

Bản án số:102/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thúy Nga và bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại Phòng xét xử B - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1975

HKTT: số 103, thôn Phú Hiệp 3, xã Gia Hiệp, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh **Trương Kim G**, sinh năm 1975

HKTT:khu phố 114, thị trấn Định Quán huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Kim G kết hôn tự nguyện, chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn số 72, ngày 03-8-2018 tại UBND xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai người không hòa hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống nên không có tiếng nói chung trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Vì vậy thường xuyên cãi nhau và anh G có đánh đập chị. Đến tháng 7/2022 anh G về sinh sống tại huyện Định Quán, còn chị G vẫn sinh sống ở Lâm Đồng, từ đó đến nay 02 người không còn sống chung với nhau. Chị nhận thấy tình cảm thương yêu không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh G.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung Trương Bảo T, sinh ngày 06/07/2016. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh G

cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trước đây khi mới sinh con thì chị G có làm giấy khai sinh cho con là Nguyễn Bảo T, năm 2022 thì đổi họ con thành Trương Bảo Thạch cùng với họ của cha.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 11 tháng 5 năm 2023 bị đơn anh Trương Kim G trình bày: Anh và chị T tự nguyện tìm hiểu, bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn số 72, ngày 03-8-2018 tại UBND xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, anh có la mắng và tát chị T 01 lần vì chị không đưa tiền. Từ tháng 7/2022 anh chuyển về huyện Định Quán sinh sống và từ đó hai người không còn chung sống với nhau. Nay anh không còn tình cảm yêu thương dành cho chị T nên chị yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: có 01 con chung Trương Bảo T, sinh ngày 06/07/2016. Từ khi không còn sống chung tháng 7/2022 đến nay thì chị T là người nuôi dưỡng con. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung Bảo T cho chị T được nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng đồng ý. Trước đây khi mới sinh con thì chị T có làm giấy khai sinh cho con là Nguyễn Bảo T không lấy họ cha vì thời gian đó vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên năm 2022 thì hai người đã làm lại giấy khai sinh cho con lấy theo họ cha là Trương Bảo T.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh G. Về con chung: Giao con chung Trương Bảo Thạch cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh G không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Trương Kim G cư trú tại khu phố 114, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Chị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, vì vậy

cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 13/4/2023, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc chị T xin ly hôn với anh G. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị là nguyên đơn, anh G là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xét xử vắng mặt; Bị đơn anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh G được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 72, ngày 03-8-2018 tại UBND xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/5/2023 thể hiện vợ chồng anh có mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 7/2022 đến nay hai người không còn chung sống với nhau. Anh G chuyển về Định Quán – Đồng Nai sinh sống, còn chị T vẫn sinh sống tại Lâm Đồng. Hiện tại anh cũng hết tình cảm yêu thương dành cho chị nên qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị thì anh cũng đồng ý ly hôn nên ghi nhận. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh G đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho chị T được ly hôn với anh G.

- Về nuôi con chung: có 01 con chung Trương Bảo Thạch, sinh ngày 06/07/2016. Từ tháng 7/2022 đến nay khi hai người sống ly thân thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm lo cho con chu đáo, được đi học đầy đủ. Bản thân T làm nghề buôn bán tạp hóa, nước uống có thu nhập ổn định bình quân hàng tháng khoảng 3.000.000đ, có nhà ở ổn định được đứng tên người sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cập nhật trang IV ngày 01/12/2020 do cha mẹ tặng cho, đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó cháu Thạch cũng có đơn nguyện vọng mong muốn được mẹ nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/5/2023 anh G cũng đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng nên ghi nhận. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung Bảo Thạch cho chị T được nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho anh G nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trương Kim G.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Trương Bảo Thạch, sinh ngày 06/07/2016 cho chị Nguyễn Thị Thu T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho anh G nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, anh G và chị T có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004249 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị T và anh G biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, số 72, ngày 03/8/2018 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan

